

# » KIỂU STRING

Name: Nguyễn Chí Hiếu

Date: 2020

## » NỘI DUNG

1. Các khái niệm cơ bản
2. Truy xuất phần tử
3. Khai báo
4. Truy xuất phần tử
5. Các thao tác với chuỗi ký tự

## » CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

### Chuỗi ký tự (*string*)

- \* Là một dãy các ký tự liên tiếp nhau.
- \* Trong C#, từ khóa `string` là bí danh (*alias*) của lớp `String` (trong namespace `System`). `String` và `string` tương đương nhau.

## » CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Các ký tự đặc biệt (*escape sequence*)

Ký tự	Ý nghĩa
\'	Ngoặc đơn '
\"	Ngoặc kép "
\?	Dấu ?
\\	\
\0	null
\a	Âm thanh cảnh báo
\b	Xóa 1 ký tự bên trái
\f	Sang trang
\b	Xuống dòng
\r	Trở về đầu dòng
\t	Tab theo dòng
\v	Tab theo cột

## » KHAI BÁO

### Khai báo và khởi tạo

- \* Truyền giá trị trực tiếp
- \* Gán bằng giá trị trả về của một hàm
- \* Gán bằng một chuỗi kiểu char

## » KHAI BÁO

Khai báo và khởi tạo

```
1  static void Main(string[] args)
2  {
3      string s1, s2, s3, s4, s5;
4      s2 = "";
5      s3 = String.Empty;
6      s4 = "Hello world";
7      s5 = GetMessage();
8      //...
9  }
10 static string GetMessage()
11 {
12     return "Hi All";
13 }
```

## » KHAI BÁO

### Khai báo và khởi tạo

Khởi tạo từ một mảng kiểu char.

```
1 char[] fruits = { 'p', 'i', 'n', 'e', 'a', 'p', 'p', 'l',  
    ', 'e' };  
2 string s6 = fruits;  
3  
4 Console.WriteLine(s6);
```

## » TRUY XUẤT PHẦN TỬ

### Truy xuất dựa vào chỉ số

Chỉ số chuỗi ký tự là một số nguyên dương từ 0 đến  $n - 1$ , với  $n$  là chiều dài chuỗi.

- \*  $n$ : số dòng của mảng, gọi hàm `GetLength(0)` để trả về số dòng.
- \*  $m$ : số cột của mảng, gọi hàm `GetLength(1)` để trả về số cột.

```
1 string s = "sun";  
2 char[0] = 'r';  
3  
4 Console.WriteLine(s);  
5 Console.WriteLine(s[0]);
```



## » TRUY XUẤT PHẦN TỬ

Truy xuất dựa vào hàm

Sử dụng hàm `SubString` để lấy một chuỗi con từ chuỗi ban đầu.

- \* `SubString(i)`: lấy chuỗi con từ vị trí `i` đến cuối.
- \* `SubString(i, j)`: lấy chuỗi con từ vị trí `i` đến `j`.

```
1 string s = "Hello World";  
2  
3 Console.WriteLine(s);  
4 Console.WriteLine(s[0]);
```

## » CÁC THAO TÁC VỚI CHUỖI KÝ TỰ

### Chuỗi và ký tự

- \* Length: trả về chiều dài chuỗi ký tự
- \* ToCharArray(): trả về mảng các ký tự
- \* Split(char c): tách chuỗi khi gặp ký tự c, kết quả trả về là một mảng kiểu chuỗi

### So sánh chuỗi

- \* Equal(string s): so sánh chuỗi hiện tại và chuỗi s
- \* Compare(string s1, string s2, true): có phân biệt hoa, thường
- \* Compare(string s1, string s2, false): không phân biệt hoa, thường

## » CÁC THAO TÁC VỚI CHUỖI KÝ TỰ

### Các hàm kiểm tra

- \* `IsNullOrEmpty()`: kiểm tra chuỗi rỗng
- \* `IsDigit`, `IsUpper()`, `IsLower()`
- \* `Contains(string s)`: kiểm tra có chứa chuỗi s
- \* `IndexOf(string s)`: nếu tìm thấy trả về vị trí của chuỗi s, ngược lại trả về -1

## » CÁC THAO TÁC VỚI CHUỖI KÝ TỰ

### Các hàm cập nhật chuỗi

- \* `Trim()`: xóa khoảng trắng giữa các ký tự (nếu có)
- \* `Concat(string s1, string s2)`: nối chuỗi s1 và s2
- \* `Remove(string s)`: xóa chuỗi từ vị trí i đến cuối chuỗi
- \* `Remove(int i, int j)`: xóa chuỗi từ vị trí i đến j
- \* `Replace(string s1, string s2)`: thay thế chuỗi s1 bằng s2
- \* `Copy(string s)`: tạo chuỗi mới sao chép từ chuỗi s
- \* `Insert(int i, string s)`: chèn chuỗi s vào vị trí i

## » CÁC THAO TÁC VỚI CHUỖI KÝ TỰ

### Định dạng chuỗi

- \* `Format(string s, object o)`: chuỗi ký tự được định dạng lại theo chuỗi định dạng `s`, tham khảo nội dung về Nhập xuất dữ liệu trong C#

## » BÀI TẬP

1. Nhập vào một chuỗi ký tự từ bàn phím. Viết hàm chuyển chuỗi vừa nhập thành chuỗi ký tự thường và không có khoảng trắng.
2. Nhập vào một chuỗi ký tự từ bàn phím. Viết hàm đếm xem chuỗi có bao nhiêu từ.
3. Nhập vào một chuỗi ký tự từ bàn phím. Viết hàm tìm từ dài nhất trong tất cả các từ trong chuỗi.
4. Nhập vào một tài khoản email từ bàn phím. Viết hàm kiểm tra email có hợp lệ hay không? Email hợp lệ theo định dạng email@domain.com

## » BÀI TẬP

5. Mật mã Caesar là một mật mã dịch chuyển. Mỗi ký tự trong bản rõ được thay thế bằng một ký tự cách nó một đoạn trong bảng chữ cái để tạo thành bản mã. Ví dụ, nếu  $n = 3$ , A sẽ được thay bằng D và cứ thế đến hết. Viết hàm mã hóa và giải mã chuỗi ký tự nhập từ bàn phím.